

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST  
Ngày 13-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Quang Quỳnh

Bà Bùi Thu Lan.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST- HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn C, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Khổng Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và 02 con; có 01 tiền án: Bản án số 44/2011/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân quận Kiến An xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành hình phạt tù tại Trại Tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng từ ngày 22 tháng 10 năm 2019; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 27/2005/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, thời gian thử thách 04 năm từ ngày tuyên án sơ thẩm (khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi), chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 17 tháng 02 năm 2009, đã được xóa án tích; có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn Đ, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà

Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T đã ly hôn và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã ngày 10 tháng 8 năm 2020, tạm giữ từ ngày 11 tháng 8 năm 2020 đến ngày 14 tháng 8 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn T, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: có 03 tiền án: Bản án số 10/2012/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng 10 ngày, về tội "*Cố ý gây thương tích*" (chưa được xóa án tích); Bản án số 33/2013/HSST ngày 11 tháng 12 tháng 2013 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xử phạt 30 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 10/2012/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2012 nêu trên, phải chấp hành 54 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ 09 ngày của Bản án số 10/2012/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2012. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20 tháng 6 năm 2017 (chưa được xóa án tích); Bản án số 13/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xử phạt 05 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*"; đang chấp hành hình phạt tù từ ngày 24 tháng 12 năm 2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Khắc Đ, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Hoàng Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trại Tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Phạm Văn K; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Những người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị D, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Văn O, đều vắng mặt; anh Phạm Văn H và anh Tạ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D phát hiện vợ mình là Nguyễn Thị D ngoại tình với Phạm Văn K nên nhờ em gái là Phạm Thị T tìm cách bắt quả tang việc ngoại tình giữa K và D. T gọi điện thoại nhờ Đỗ Văn C hỗ trợ việc bắt quả tang, C đồng ý và yêu cầu được trả công 10.000.000 đồng. T đồng ý và đã ứng trước cho C 3.000.000 đồng. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2018, khi biết K và D vào nhà nghỉ H ở thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, D thông báo cho T để bố trí lực lượng đến bắt quả tang. Ngay sau đó T thông báo cho Đỗ Văn C rồi cùng Phạm

Văn D, Phạm Thị N (là em dâu của T, Dg) đến nhà nghỉ Hg. Đỗ Văn C gọi cho Đỗ Văn Đ và Vũ Văn T, cùng đi xe ô tô Toyota Innova (chưa xác định được biển kiểm soát và chủ sở hữu) do Tạ Văn T điều khiển chở đến. C, Đ, T, D, N vào nhà nghỉ, còn T và T ở ngoài chờ. Lúc này D và K đang ở phòng nghỉ số 303 trong tình trạng không mặc quần áo. C, Đ, T, D, N xông vào phòng, D dùng chân tay, T dùng giấy đánh K, Đ dùng tay tát D nhưng không ai bị thương tích, N dùng điện thoại di động quay video ghi lại sự việc. Thấy ồn ào, chủ nhà nghỉ yêu cầu cả nhóm ra ngoài. K và D đi xuống cùng C, Đ, T lên xe ô tô do T lái đi về quán dê Đ ở thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo yêu cầu của C. Còn D, T, N đi xe mô tô theo sau.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, tại quán dê Đ, nhóm của C vào đặt 02 bàn cạnh nhau. C gọi thêm Hoàng Khắc Đ đến quán. D gọi Phạm Văn H là bạn của D và K đến chứng kiến việc K ngoại tình với D đồng thời chứng kiến việc K viết giấy cam đoan không quan hệ với D nữa. Khi K viết giấy cam đoan xong thì N cầm giấy đi về nhà trước. T gọi C ra cửa quán để trả nốt 7.000.000 đồng còn lại theo thỏa thuận trước đó. C lợi dụng việc sai trái giữa D và K, đã bảo Đ đọc cho K viết giấy nhận nợ với mục đích để chiếm đoạt tiền của K. C đã nói: "*Tất cả đều phải trả giá bằng tiền*". Tiếp nhận ý chỉ từ , Đ đã đọc cho K viết giấy nhận tiền theo yêu cầu của Đ. Khi K lưỡng lự thì bị C, T, Đ cùng chửi bới và đe dọa, Thế cầm mũ cối đang đặt trên bàn giờ lên dọa K và nói: "*Viết cẩn thận vào không tao đập vào mặt mày bây giờ*" (nhưng không đập vào K), yêu cầu K viết cho cẩn thận. K sợ hãi, đã phải viết giấy có nội dung: K nhận 50.000.000 đồng của Đ từ ngày 25 tháng 8 năm 2018 để mua hộ Đ xe mô tô Air Blade 2018, nếu không mua được xe đến ngày 24 tháng 9 năm 2018 phải trả tiền lại cho Đ. C và Đ buộc K đưa tiền, K xin giảm xuống mức tiền còn 30.000.000 đồng và được C, Đ đồng ý nhưng yêu cầu phải đưa tiền ngay. K trình bày trong thẻ của K hiện đang có 15.000.000 đồng nên C bảo T lái xe ô tô chở Đ và K đến cây ATM của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện An Lão để K rút tiền. K vào rút được 15.000.000 đồng và quay lại quán dê Đ đưa cho C. C và Đ tiếp tục yêu cầu K phải nộp đủ 15.000.000 đồng còn lại ngay. K đề nghị C cho người chở về Tứ Kỳ để lấy tiền thì C đồng ý cho T và Đ chở K đi. K và bạn là anh H vào nhà nghỉ H vay tiền để trả nhưng không được nên K đã nhờ anh H ở lại để làm tin, K được T và Đ tiếp tục chở về Hải Dương để lấy tiền. Trên đường đi K điện cho anh O là anh rể của K đến đón. Đến khu vực Quý Cao thì K xuống xe và được anh O chở về. Trên đường về K hỏi anh O mượn 15.000.000 đồng nhưng không nói mục đích mượn để làm gì. Anh O đồng ý, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, O mang số tiền trên đến khu vực nhà nghỉ H đưa cho Đ. Đ đưa lại giấy biên nhận mà K đã viết rồi cùng T về nhà C đưa tiền cho C và Đ.

Về số tiền 30.000.000 đồng mà các đối tượng đã chiếm đoạt được của anh K, các đối tượng đã khai nhận việc sử dụng như sau: Đ khai đã thanh toán 2.700.000 đồng tiền ăn cho quán dê Đ, đưa cho C 10.000.000 đồng, đưa cho T 2.000.000 đồng, số còn lại Đ ăn tiêu và cho một vài người anh em khác của Đ

nhưng không nhớ cụ thể là ai. Hoàng Khắc Đ và Vũ Văn T đều khai nhận được C cho 2.000.000 đồng là tiền chiếm đoạt của Phạm Văn K.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, ngày 19 tháng 4 năm 2019, bị hại làm đơn trình báo Công an về sự việc nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được biên kiểm soát và chủ sở hữu của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova mà các bị cáo đã sử dụng để chở K, không biết xe đang ở đâu. Đối với chiếc mũ còi do Vũ Văn T sử dụng để đe dọa K, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra anh Phạm Văn K yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 30.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, các bị can Đỗ Văn Đ, Hoàng Khắc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và các đồng phạm như nội dung nêu trên. Lời khai của Đ và Đ1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại là anh Phạm Văn K, lời khai của những người làm chứng, kết quả đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đỗ Văn C và Vũ Văn T không thừa nhận việc đe dọa và ép anh Khoa viết giấy nhận nợ để chiếm đoạt tiền của anh Khoa.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố Đỗ Văn C, Đỗ Văn Đ và Hoàng Khắc Đ cùng về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và Vũ Văn T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đỗ Văn Đ và Hoàng Khắc Đ thành khẩn khai báo toàn bộ nội dung vụ án như trên. Bị cáo Đỗ Văn C thừa nhận nội dung, diễn biến như cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo Thế giữ nguyên nội dung như đã trình bày tại Cơ quan điều tra. Các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo C, Đ, Đ1, T, xin giữ nguyên nội dung đã trình bày tại Cơ quan điều tra và không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với các bị cáo.

Toàn bộ những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử có thể thay đổi căn cứ áp dụng pháp luật đối với Đỗ Văn C, theo đó có thể xét xử bị cáo Đỗ Văn C theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 56 và Điều 58, Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Đỗ Văn C từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”; tổng hợp hình phạt với Bản án số 44/2011/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Tòa án

nhân dân quận Kiến An xử phạt 05 năm tù (phạm tội ngày 02 tháng 01 năm 2010, chấp hành hình phạt tù tại Trại Tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng từ ngày 22 tháng 10 năm 2019, đến ngày bị tạm giam 23 tháng 10 năm 2020 theo tội mới đã chấp hành được 01 năm, còn chưa chấp hành 04 năm). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2020 (ngày tạm giam trong vụ án này).

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội "*Cướp tài sản*"; tổng hợp với hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 13/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (phạm tội ngày 05 tháng 3 năm 2019. Bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2019), buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2020, trừ cho bị cáo 10 tháng 13 ngày do đã chấp hành được 10 tháng 13 ngày của Bản án số 13/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2020 (ngày tạm giam trong vụ án này);

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn Đ từ 06 năm đến 07 năm tù về tội "*Cướp tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt được bị can bị truy nã là ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Khắc Đ từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt được bị can để tạm giam là ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với các bị cáo nên không xem xét.

Về hành vi của Tạ Văn T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Phạm Thị T, Phạm Thị N, Phạm Văn D không bị xử lý là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Không tranh luận về tội danh và căn cứ pháp luật được áp dụng. Về hình phạt, các bị cáo đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và những người làm chứng tại phiên tòa: Bị hại đã có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung lời khai tại Cơ quan điều tra. Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Hoàng Khắc Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo Vũ Văn T và Đỗ Văn C có phần phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Văn Đ và Hoàng Khắc Đ, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại quán dê Đ thuộc thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Đỗ Văn C, Đỗ Văn Đ, Vũ Văn T và Hoàng Khắc Đ đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc bằng việc giơ mũ cối dọa đánh và tạo ra sức ép làm anh Phạm Văn K lâm vào tình trạng không thể chống cự được, miễn cưỡng viết giấy nhận nợ để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Do vậy hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "*Cướp tài sản*" theo Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Về định khung hình phạt: Bị cáo Đỗ Văn Đ, Hoàng Khắc Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nên phạm tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn C và Vũ Văn T phạm tội thuộc trường hợp "*tái phạm nguy hiểm*" do Bản án số 13/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão xử phạt Vũ Văn T 05 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thế chưa chấp hành xong hình phạt tù. Đồng thời bản án này cũng đã xác định bị cáo Thế phạm tội thuộc trường hợp "*tái phạm nguy hiểm*", bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Bản án số 44/2011/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt Đỗ Văn C 05 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo C đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự, lần phạm tội này của bị cáo C và bị cáo T được

xác định là “*tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy bị cáo C và bị cáo T phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Do đó điều luật mà Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về việc thay đổi khung hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn C: Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố Đỗ Văn C về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bằng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo C phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*” như đã phân tích ở trên. Do vậy Tòa án nhân dân huyện An Lão đã ra quyết định xét xử đối với bị cáo C về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và đã thông báo cho bị cáo biết để thực hiện quyền bào chữa của mình. Tại phiên tòa, sau phần trình bày lời luận tội, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão cũng xác định theo hướng không được bổ sung cáo trạng theo hướng bất lợi cho bị cáo nhưng đề nghị Tòa án cứ vào giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử đối với bị cáo Đỗ Văn C. Do vậy căn cứ vào giới hạn của việc xét xử quy định tại khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị cáo Đỗ Văn C về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[5] Vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần thiết phải phân hóa rõ vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Bị cáo C là người trực tiếp thực hiện và chỉ đạo bị cáo Đ, T, Đ1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của anh K. Sau khi chiếm đoạt được tài sản từ bị hại, các bị cáo đều được hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt được của bị hại mà có và bị cáo C là người hưởng số tiền lớn nhất. Bị cáo Đ, T sau khi tiếp nhận ý chí từ bị cáo C, đã tích cực, quyết liệt thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ1 đọc cho anh K viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của C, bị cáo T dùng vũ lực dọa đánh anh K nếu không viết cẩn thận. Bị cáo Đ nhận thức rõ nội dung sự việc và giúp sức bằng việc đưa anh K đi lấy tiền và giám sát các hoạt động khác của anh K. Các bị cáo C, Đ1, T, Đ cùng tạo ra sức ép làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể tự vệ được và đành viết giấy nhận nợ. Do vậy bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. Bị cáo T và Đ1 có vai trò tương đương nhau và cao hơn vai trò của bị cáo Đ.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Đ, Hoàng Khắc Đ có thái độ thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng với diễn biến của vụ án. Bị cáo C, Đ, Đ1 đều tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời các bị cáo C, Đ, Đ1, Thế đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho

các bị cáo. Do vậy Bị cáo Đ, Đ1 và C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo C và bị cáo T đều có nhân thân xấu, các bị cáo đã từng bị cách ly khỏi xã hội một thời gian và được giáo dục, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo còn nhiều hạn chế. Bị cáo Đ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây nhiều khó khăn cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

[9] Về hình phạt đối với bị cáo: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ, Hoàng Khắc Đ ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Đỗ Văn C, Vũ Văn T ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Phạm Văn K đã được các bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng. Anh K không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, đồng thời không còn đề nghị gì về phần dân sự đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với hành vi của Tạ Văn T: Bằng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa có đủ căn cứ xác định về mặt ý thức chủ quan Tạ Văn T có biết anh Phạm Văn K bị các bị cáo đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tiền hoặc có được các bị cáo chia tiền chiếm đoạt được hay không. Vì vậy Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

[13] Về hành vi của Phạm Văn D, Phạm Thị T, Phạm Thị N, không biết việc Phạm Văn K bị đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản nên không bị xử lý là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[14] Về nội dung lời khai của Tạ Văn T khai đi cùng với người tên T, ở xã Q, huyện A để đưa K đi rút tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa xác định được



nhân thân, lai lịch của T nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn C 08 (tám) năm tù về tội "*Cướp tài sản*", tổng hợp với hình phạt 05 (năm) tù theo Bản án số 44/2011/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ: Điểm h khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 55, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Vũ Văn T 08 (tám) năm tù về tội "*Cướp tài sản*", tổng hợp với hình phạt 05 (năm) tù theo Bản án số 13/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn Đ 06 (sáu) năm tù về tội "*Cướp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Khắc Đ 04 (bốn) năm tù về tội "*Cướp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Đỗ Văn C, Đỗ Văn Đ, Vũ Văn T, Hoàng Khắc Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Phạm Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cơ quan CSĐT CA huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**